

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/3/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Thuận

2. Ông Nguyễn Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T; Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt

2. Bị đơn: Anh Quách Văn B; Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2018 và tại bản tự khai ngày 05 tháng 01 năm 2019 chị Bùi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Quách Văn B kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 21/6/2010 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Chính vì thế mà gia đình không được hạnh phúc. Thời gian kéo dài khiến cho chị cảm thấy vô cùng chán nản. Chị và anh B đã sống ly thân đến nay khoảng 8 tháng, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể níu kéo được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

- Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Quách Thu Q, sinh ngày 07/10/2011 và Quách Văn K, sinh ngày 02/09/2013. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản : Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị T thay đổi yêu cầu về vấn đề nuôi con, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Quách Văn K, sinh ngày 02/9/2013 và giao cháu Quách Thu Q, sinh ngày 07/10/2011 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 01 năm 2019 anh Quách Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 21/6/2010 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì bắt đầu có sự rạn nứt trong tình cảm. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Chính vì thế mà gia đình không được hạnh phúc. Thời gian kéo dài khiến cho cả hai vợ chồng đều cảm thấy chán nản. Anh và chị T đã sống ly thân đến nay khoảng 8 tháng nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể níu kéo được nữa nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Quách Thu Q, sinh ngày 07/10/2011 và Quách Văn K, sinh ngày 02/09/2013. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản : Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh B. Về con cái, Quách Thu Q, sinh ngày 07/10/2011 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quách Văn K, sinh ngày 02/09/2013, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 của Bộ Luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS) và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Cũng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương

sự, nhưng anh B không có mặt nên tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Bốn theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh B đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh B đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Anh B cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh B.

Về hôn nhân:

[5]. Chị Bùi Thị T và anh Quách Văn B kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 21/6/2010 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

[6]. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Chính vì thế mà gia đình không hạnh phúc. Chị T và anh B đã sống ly thân đến nay đã hơn 08 tháng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả chị T và anh B đều thừa nhận và đã được và UBND xã T xác nhận, đồng thời cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả chị T và anh B đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Quách Văn B.

[7] Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Quách Thu Q, sinh ngày 07/10/2011 và Quách Văn K, sinh ngày 02/09/2013. Anh B và chị T không tự thỏa thuận được với nhau về việc giao nuôi con. Xét thấy cháu Kính còn nhỏ rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Cháu Q lớn hơn, bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[8] Về tài sản: Chị T và anh B không yêu cầu nên miễn xét.

[9] Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Quách Văn B.

Về con cái: Giao cháu Quách Văn K, sinh ngày 02/9/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Quách Thu Q, sinh ngày 07/10/2011 cho anh B Trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị T, anh B có quyền qua lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2016/0003522 ngày 04/01/2019. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T, vắng mặt anh B. Chị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh B có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cúc